

Số: 23/2026/QĐST-DS

Nghệ An, ngày 15 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 4 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 133/2025/TLST – DS ngày 19 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lê N – Sinh năm: 1976.

CCCD số 040176002761 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/4/2021. Nơi cư trú: Khối N, phường C, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Bà Trần Thị P – Sinh năm: 1962.

CCCD số 040162025886 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/01/2022. Nơi cư trú: Khối N, phường C, tỉnh Nghệ An.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Trần Thị P có nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà Nguyễn Thị Lê N số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), trong đó: tiền gốc là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), tiền lãi xuất là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Lê N và bà Trần Thị P thỏa thuận: bà Trần Thị

Phương C tiền án phí dân sự sơ thẩm tuy nhiên bà P là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Lê N số tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) mà bà N đã nộp tại Cơ quan thi hành án tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0001815 ngày 18/3/2026.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự.
- VKS khu vực 1 – Nghệ An;
- Cơ quan THA Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thúy